

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

Số: 06 /2020/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xem xét ban hành nghị quyết phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (*sau đây gọi chung là cá nhân*).

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*sau đây gọi chung là hợp tác xã*).

d) Doanh nghiệp.

e) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện nghị quyết này.

3. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:

a) Chủ trì liên kết được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

b) Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản này thực hiện theo kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn từ chương trình, dự án khác.

4. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:

a) Dự án liên kết được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng cho mỗi dự án, kế hoạch liên kết.

b) Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản này thực hiện theo kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

5. Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:

a) Xây dựng mô hình khuyến nông: Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước áp dụng theo quy định tại điều 8 và điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông. Tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng / mô hình khuyến nông.

b) Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Thực hiện theo chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Mức hỗ trợ là 100% chi phí mở lớp gồm: Hội trường, tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở, khảo sát, thăm quan

học tập cho đối tượng là học viên và giảng viên, trợ giảng thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định tại các điểm a, b khoản này thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông, chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

d) Hỗ trợ về giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã gồm:

Hỗ trợ về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: Tối đa 100% ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn; hỗ trợ tối đa 70% ở địa bàn bãi ngang ven biển; hỗ trợ tối đa 50% ở địa bàn còn lại. Tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng cho mỗi dự án, kế hoạch liên kết.

Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm, mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng / nhãn hiệu.

đ) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ. Tổng mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng cho mỗi hợp đồng, dự án, kế hoạch liên kết.

e) Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định tại các điểm d, đ khoản này thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở NN và PTNT; Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu (NH).


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Văn Thiệu